TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 10-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu và ông Hà Văn Lỏn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Mùa A L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975; tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Mùa A S (đã chết) và bà Sồng Thị M, sinh năm 1927; có vợ: Thào Thị M, sinh năm 1978 và 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ông Mùa A K, Chủ tịch UBND xã X, nơi cư trú: bản C, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Cộng đồng bản H, người đại diện ông Mùa A D, Trưởng bản, nơi cư trú: bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Cộng đồng bản H B, người đại diện ông Hạng A L, Trưởng bản, nơi cư trú: bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người làm chứng*: Mùa A K1, Mùa A C, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Hạng Chờ L, sinh năm 1977, nơi cư trú: T 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 09/3/2016, Mùa A L mang theo 01 cái cuốc, 01 con dao và 01 bật lửa ga cùng với Mùa A K1, đi dọn cỏ nương táo của gia đình tại khu vực Khó Say (theo tiếng địa phương). Đến nơi K1 dùng dao phát cỏ xung quanh các cây táo, L dùng cuốc đào các hố sâu khoảng 20cm, rộng khoảng 20cm, dài khoảng 50 - 60 cm bên cạnh vị trí các cây táo rồi L kéo thân cây táo nằm xuống hố đất và phủ đất lên thân cây táo. Trong lúc, K1 dùng dao phát cỏ xung quanh bờ bao nương táo thì L gom cỏ thành một đống ở vị trí giữa nương, rồi lấy bật lửa ga ra châm lửa đốt đống cỏ; khi lửa cháy to, K1 nhìn thấy liền nói với L "Sao bố lại đốt…" L nói "Bố đốt luôn để cho cháy hết cỏ đi, người khác có đốt nương thì không còn cỏ để cháy lan vào cây táo của mình làm cây táo chết"; cùng lúc gió thổi mạnh, không có biện pháp phòng cháy (đường ranh để cản lửa cháy lan) nên lửa đã cháy lan vào rừng gây cháy rừng diện rộng.

Ngày 30/3/2016 Hạt kiểm lâm huyện B lập biên bản sự việc đối với Mùa A L; ngày 01/4/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện B, Hạt kiểm lâm huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, chính quyền xã X, ban quản lý bản H B và bản H tiến hành khám nghiệm hiện trường cháy tại khu rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 379, khoảnh 1 lô c, d, e thửa 49, 61 tờ bản đồ số: 01(10- 346524). Với phương pháp sử dụng máy GPS định vị xác định vị trí tọa độ, xác định diện tích rừng bị cháy có tổng diện tích là 359.700m^2 thuộc loại rừng Ib, IIa bảo vệ phòng hộ, Nhà nước giao cho chính quyền xã X quản lý theo quyết định số 1227/H-QĐ ngày 07/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện B; với phương pháp lấy ô tiêu chuẩn điển hình 500 m^2 xác định khối lượng lâm sản bị thiệt hại, cụ thể: tại diện tích 38.614 m^2 rừng phòng hộ, trạng thái rừng Ib thuộc địa phận bản H, số cây gỗ tròn nhóm V (Thành ngạnh, Giẻ cau, Nhãn) bị chết cháy là 1930 cây, tương ứng tổng khối lượng 39,540 m^3; khối lượng củi nhóm V bị thiệt hại là 772 cây, tương ứng 1,312 m^3; tại diện tích: 35.200 m^2 rừng phòng hộ, trạng thái rừng IIa thuộc địa phận bản H B là những cây gỗ lớn, rừng đã khép tán, thảm thực vật ít, chỉ bị cháy dưới tán rừng, không gây thiệt hại về lâm sản; tại diện tích 285.886 m^2 thuộc quỹ đất dự phòng của UBND xã X là cây bụi, cỏ tranh không có trữ lượng lâm sản thiệt hại.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao quắm; 01 cái cuốc; 01bật lửa ga màu xanh dài 9,5 cm, phần thân bật lửa dán tem của nhà sản xuất (TANAKA).

Ngày 21/7/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản để xác định thiệt hại về tài sản do L gây ra. Tại bản kết luận số 06/KL-HDĐG ngày 25/7/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: "Thiệt hại về lâm sản đối với diện tích rừng Ib = 38.614 m^2: Gỗ tròn nhóm V = 1.930 cây, tương đương 39,540m^3 có giá là: 118.620.000VNĐ; Củi nhóm V = 772 cây, tương đương khối lượng 1,312m^3 có giá là: 236.160VNĐ; tổng trị giá là 118.856.160VNĐ (Một trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng)".

Ngày 04/5/2018 Mùa A L đã nộp số tiền 2.000.000VNĐ để bồi thường khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-BY ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Mùa A L về tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" theo khoản 1 Điều 240 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế nên đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Mùa A L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy", áp dụng khoản 1 Điều 240; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Mùa A L từ 12 đến 15 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 con dao quắm, phần lưỡi dao dài 34 cm; 01 cái cuốc, lưỡi cuốc dài 12 cm, cán cuốc bằng gỗ hình trụ; 01bật lửa ga màu xanh dài 9,5cm. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 118.856.160VNĐ sung quỹ Nhà nước; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí cho bị cáo L.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện nguyên đơn dân sự tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất; đề nghị bị cáo phải bồi thường toàn bộ số gỗ đã bị thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 118.856.160VNĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát và không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đại diện Cộng đồng bản H vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản xác minh, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định thiệt hại, kết luận định giá, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Bị cáo Mùa A L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; khoảng 7 giờ ngày 09/3/2016 bị cáo L mang theo 01 cái cuốc, 01 con dao, 01 bật lửa ga và 01 lu cở cùng Mùa A K1 đi phát dọn cỏ nương táo Sơn Tra ở bản H, xã X. Trong lúc, K1 dùng dao phát cỏ xung quanh bờ bao nương táo thì bị cáo gom cỏ thành một đống và châm lửa đốt, lửa cháy to, cùng lúc gió thổi mạnh, không có biện pháp phòng cháy (đường ranh để cản lửa cháy lan) nên lửa đã cháy lan vào rừng gây cháy rừng tại tiểu khu 379, khoảnh 1 lô c, d, e thửa 49, 61 tờ bản đồ số: 01(10-346524) thuộc loại rừng Ib, IIa bảo vệ phòng hộ Nhà nước giao cho chính quyền xã X quản lý, diện tích rừng bị cháy là 359.700m^2 , số cây gỗ bị chết cháy là 2702 cây gỗ thuộc nhóm gỗ nhóm V (cây Thành ngạnh, Giẻ cau, Nhãn) với tổng khối lượng là 40,852m^3 (gỗ tròn nhóm V là 39,540 m^3, củi là 1,312 m^3). Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HDĐG ngày 25/7/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: "Gỗ tròn nhóm V 39,540m^3 có giá là: 118.620.000VNĐ; Củi 1,312m^3 có giá là: 236.160VNĐ; tổng trị giá là 118.856.160VNĐ". Như vậy, hành vi sử dụng lửa ven rừng ngày 09/3/2016 của bị cáo là hành vi bị cấm (Điều 9 Nghị định 09/2006/NĐ-CP); theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.2 mục 5 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT- BNN&PTNT- BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 Hướng dẫn một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (gọi tắt là Thông tư 19) thì hành vi của bị cáo L là vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây cháy rừng. Bị cáo đã không tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy, gây cháy rừng với diện tích 359.700m^2 và làm thiệt hại về tài sản 118.856.160VNĐ; theo quy định tại khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo Mùa A L, được hường dẫn theo điểm h tiểu mục 5.3 mục 5 Thông tư 19 "gây thiệt hại về tài sản khác có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng" là đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mùa A L phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 1999 "Người nào vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ, tài sản của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã được tuyên truyền, ký cam kết bảo vệ rừng nên nhận thức được việc đốt lửa vào mùa

hanh khô, ven rừng là hành vi bị cấm nhưng vì quá tự tin với khả năng, kinh nghiệm, cách thức, biện pháp áp dụng và thực hiện (gom cây cỏ lại thành đống ở giữa nương đốt) thì hậu quả tác hại sẽ không xảy ra nhưng thực chất bị cáo không nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi, chưa thực hiện đúng và đủ các điều kiện, yêu cầu để bảo đảm phòng cháy theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và các văn bản hướng dẫn thi hành nên hậu quả nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra gây cháy rừng với tổng diện tích bị cháy là 359.700m^2 và làm thiệt hại về lâm sản cây gỗ nhóm V là 40,852m^3 trị giá 118.856.160VNĐ. Tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra nghiêm trọng không những xâm phạm an toàn công cộng, an toàn cháy nổ, trật tự trị an ở địa phương mà còn xâm phạm đến tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững và ổn định của môi trường đặc biệt trong giai đoạn hiện nay thế giới nói chung và Nhà nước ta nói riêng đang ra sức thực hiện chương trình cộng đồng xanh, môi trường xanh, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ cấp bách, là trách nhiệm của mọi người nhưng bị cáo không những không thực hiện trách nhiệm đó mà chỉ vì lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình mà vô ý gây cháy rừng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư, nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000VNĐ; phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nhưng không có khả năng tự cải tạo; nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa nguy cơ tái phạm, đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự ở địa phương, đồng thời cũng cảnh báo với cơ quan chức năng về nhiệm vụ, phòng cháy, chữa cháy rừng hiện nay, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn nên cho bị cáo được tại ngoại.

[9] Đối với Mùa A K1 là người cùng L phát cỏ nhưng việc sử dụng lửa dẫn đến cháy rừng là do lỗi của L, K1 không có lỗi nên không có căn cứ xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: 01 con dao quắm; 01 cái cuốc; 01bật lửa ga màu xanh dài 9,5 cm là vật dụng thuộc sở hữu của bị cáo Mùa A L, là vật mang dấu vết của tội phạm nhưng đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với toàn bộ số cây gỗ bị chết cháy phân bố rải rác trong rừng, đã ải mục không còn giá trị sử dụng, không thu gom được nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đốt nương trái phép ở ven rừng gây cháy rừng, đã làm thiệt hại về lâm sản với số lượng 2702 cây gỗ tương ứng với 39,540m^3 gỗ nhóm V và 1,312m^3 củi là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, theo kết luận định giá tài sản xác định: giá trị thiệt hại trực tiếp về lâm sản là 118.856.160VNĐ, xét thấy lỗi hoàn toàn là do bị cáo gây ra nên buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 118.856.160VNĐ để sung quỹ Nhà nước là hợp lý, có căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại là 2.000.000VNĐ.

Đối với Cộng đồng bản H và bản H B, đại diện ban quản lý hai bản xác định được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng và được hưởng phí, Cộng đồng hai bản không yêu cầu gì nên không giải quyết theo vụ án.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 240; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Mùa A L phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy".

2. Xử phạt bị cáo Mùa A L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam thụ hình; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Mùa A L phải bồi thường thiệt hại về tài sản (rừng) số tiền là 118.856.160VNĐ (Một trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng), số tiền bị cáo L phải bồi thường sung quỹ Nhà nước; ghi nhận bị cáo đã nộp bồi thường số tiền 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 007445 ngày 04/5/2018; bị cáo L còn phải bồi thường tiếp số tiền là 116.856.160VNĐ (Một trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng).

4. Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao quắm, phần lưỡi dao dài 34 cm; 01 cái cuốc, lưỡi cuốc dài 12 cm, cán cuốc bằng gỗ hình trụ; 01bật lửa ga màu xanh dài 9,5 cm của Mùa A L (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Mùa A L.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2018); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà